

Số: 183/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 08 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm 1991
Trú tại: tổ 1, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.
2. Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc L, sinh năm 1987
Nơi ĐKKHKT: tổ 1, khu 2, phường H1, thành phố H, tỉnh Q.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q.

Căn cứ vào: Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị N và anh Đỗ Ngọc L.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Đỗ Ngọc L thuận tình ly hôn với nhau.
 - Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị N và anh Đỗ Ngọc L xác nhận có 01 người con chung là cháu: Đỗ Ngọc Linh A, sinh ngày 23/12/2016. Khi ly hôn, chị N và anh L thoả thuận thống nhất: Giao con chung là cháu Đỗ Ngọc Linh A cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom,

chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Đỗ Ngọc Linh A thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Lê Thị N và anh Đỗ Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000698 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Q. Hoàn trả lại cho chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Q;*
- *VKSND TP. H;*
- *THADS TP. H;*
- *UBND p.H1 tp H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng